

# ĐỀ KIỂM TRA KHẨU NGŨ

## MÔN TIẾNG TRUNG 10

### 题 1: Đọc nghĩa tiếng Trung của những từ sau

1. Xin chào!

2. Xin lỗi!

3. Cảm ơn!

4. Trung Quốc

5. Cô giáo

### 题 2: Đọc lại những câu sau đây

hěn gāo xìng rèn shí nǐ  
1. 很高兴认识你

wǒ jiào ōu wén  
2. 我叫欧文

wǒ shì yuè nán rén  
3. 我是越南人。

zhè shì wǒ de míng piàn  
4. 这是我的名片。

wǒ qù rén mín guǎngchǎng  
5. 我去人民广场。

**题 3: Đặt câu hỏi cho phần được gạch chân:**

\_\_\_\_\_?

我叫高小明。

\_\_\_\_\_?

我是中国人。

\_\_\_\_\_?

我去机场。

\_\_\_\_\_?

我姓马。

\_\_\_\_\_?

我有名片。